



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT

ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436

ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 21 tháng 4 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch
Ông Vũ Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Xuân Trình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành
Ông Phạm Ngọc Kỳ	Giám đốc Điều hành
Ông Vũ Ngọc Tú	Giám đốc Vận hành (từ ngày 1/7/2025)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đoàn Văn Dũng	Thành viên
Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên

Trụ sở đăng ký

43 Tô Hiệu, Phường Nam Định
Tỉnh Ninh Bình
Việt Nam
(Địa chỉ trước khi thay đổi địa giới hành chính:
43 Tô Hiệu, Phường Năng Tĩnh, Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định, Việt Nam)

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty chokỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Các điều kiện và sự kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty được thuyết minh đầy đủ trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Ninh Bình, ngày 29 tháng 8 năm 2025



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-02-00255-25-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2023-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		394.961.988.213	331.627.772.297
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.666.430.418	24.147.782.192
Tiền	111	7	6.666.430.418	24.147.782.192
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.135.728.457	24.012.000.438
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	24.135.728.457	24.012.000.438
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		187.797.487.334	172.853.289.394
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	182.537.478.332	165.160.284.196
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.511.855.973	2.558.481.054
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		200.000.000	200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	6.055.210.563	11.441.581.678
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(6.507.057.534)	(6.507.057.534)
Hàng tồn kho	140	12	174.428.894.944	108.597.745.811
Hàng tồn kho	141		174.428.894.944	116.199.168.310
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(7.601.422.499)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.933.447.060	2.016.954.462
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	1.869.764.016	1.386.164.779
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	558.522.166
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19	63.683.044	72.267.517

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		517.039.412.024	538.630.799.025
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.100.262.041	4.257.082.133
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	7.300.262.041	7.457.082.133
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Tài sản cố định	220		412.047.947.916	439.104.587.016
Tài sản cố định hữu hình	221	13	396.493.905.903	422.746.574.499
<i>Nguyên giá</i>	222		963.792.979.902	964.988.979.902
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(567.299.073.999)	(542.242.405.403)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	14.743.235.384	15.475.363.622
<i>Nguyên giá</i>	225		19.785.906.253	19.785.906.253
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(5.042.670.869)	(4.310.542.631)
Tài sản cố định vô hình	227		810.806.629	882.648.895
<i>Nguyên giá</i>	228		1.517.544.000	1.517.544.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(706.737.371)	(634.895.105)
Bất động sản đầu tư	230	15	3.837.363.236	4.054.402.410
<i>Nguyên giá</i>	231		12.378.939.809	12.378.939.809
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(8.541.576.573)	(8.324.537.399)
Tài sản dở dang dài hạn	240		21.216.520.624	18.166.093.664
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	21.216.520.624	18.166.093.664
Đầu tư tài chính dài hạn	250		64.494.416.520	64.494.416.520
Đầu tư vào công ty con	251	8(b)	21.508.979.633	21.508.979.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	8(b)	38.741.000.000	38.741.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	8(b)	2.744.436.887	2.744.436.887
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8(a)	1.500.000.000	1.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		11.342.901.687	8.554.217.282
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	11.342.901.687	8.554.217.282
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		912.001.400.237	870.258.571.322

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		878.198.612.530	820.891.433.844
Nợ ngắn hạn	310		634.617.072.489	559.930.952.051
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	159.245.944.333	49.466.894.908
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.596.122.900	2.906.574.387
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	5.721.427.943	19.952.486
Phải trả người lao động	314		2.802.472.209	4.825.614.050
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	1.911.313.519	3.466.956.648
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		740.719.410	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	10.950.560.419	7.505.593.285
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22(a)	449.648.511.756	491.739.366.287
Nợ dài hạn	330		243.581.540.041	260.960.481.793
Phải trả dài hạn khác	337		119.423.822	119.423.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	243.462.116.219	260.841.057.971
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		33.802.787.707	49.367.137.478
Vốn chủ sở hữu	410	23	33.802.787.707	49.367.137.478
Vốn cổ phần	411	24	156.399.760.000	156.399.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		156.399.760.000	156.399.760.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	92.139.112.037	92.139.112.037
Lỗi lũy kế	421		(214.736.084.330)	(199.171.734.559)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(199.171.734.559)	(119.200.284.525)
- Lỗi kỳ này/năm nay	421b		(15.564.349.771)	(79.971.450.034)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		912.001.400.237	870.258.571.322

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Oanh
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Đinh Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	520.523.703.910	610.158.445.409
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	494.631.378.114	606.586.650.875
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		25.892.325.796	3.571.794.534
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	9.657.137.250	4.622.216.604
Chi phí tài chính	22	30	33.697.886.156	38.905.359.497
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.944.436.753	27.664.701.202
Chi phí bán hàng	25	31	5.133.450.164	5.101.265.167
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	12.383.819.834	12.031.470.214
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(15.665.693.108)	(47.844.083.740)
Thu nhập khác	31		115.419.831	5.294.841.359
Chi phí khác	32		14.076.494	79.232.959
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		101.343.337	5.215.608.400
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(15.564.349.771)	(42.628.475.340)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	-	-
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		(15.564.349.771)	(42.628.475.340)

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Oanh
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Đinh Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ trước thuế	01		(15.564.349.771)	(42.628.475.340)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		26.267.136.167	28.077.288.438
Các khoản dự phòng	03		(7.601.422.499)	(11.916.508.615)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.232.225.235	10.382.277.504
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.929.326.141)	(5.754.090.562)
Chi phí lãi vay	06		21.944.436.753	27.664.701.202
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		31.348.699.744	5.825.192.627
Biến động các khoản phải thu	09		(19.214.186.406)	(35.587.779.273)
Biến động hàng tồn kho	10		(58.229.726.634)	94.010.193.166
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		113.414.760.135	56.217.906.580
Biến động chi phí trả trước	12		(1.940.741.535)	(1.409.161.941)
			65.378.805.304	119.056.351.159
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.941.425.856)	(25.305.218.430)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(939.209.698)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46.437.379.448	92.811.923.031
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(3.006.201.458)	(5.022.637.931)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	19.067.354.405
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		-	(200.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(8.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		6.877.109.093	470.241.908
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.870.907.635	6.314.958.382

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		461.807.362.097	443.692.402.546
Tiền trả nợ gốc vay	34		(527.751.302.498)	(538.907.048.841)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.841.319.012)	(2.219.134.968)
Tiền trả cổ tức	36		(5.650.000)	(3.275.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(67.790.909.413)	(97.437.056.263)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(17.482.622.330)	1.689.825.150
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		24.147.782.192	2.791.705.965
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.270.556	1.031.038
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	7	6.666.430.418	4.482.562.153

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:


Nguyễn Thị Kim Oanh
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:


Đinh Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; và
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty có 4 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2025: 4 công ty con và 3 công ty liên kết), được liệt kê tại Thuyết minh 8(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty có 564 nhân viên (1/1/2025: 569 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tổng Công ty có khoản lỗ thuần sau thuế trước hợp nhất trong kỳ là 15.564 triệu VND (kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2024: lỗ 42.628 triệu VND). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 239.655 triệu VND (1/1/2025: 228.303 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 22(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc công ty mẹ của Tổng Công ty tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng công ty mẹ sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 63 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 30 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
-----------	------------

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định pháp luật hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu, giảm giá hàng bán.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu dịch vụ gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) *Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) *Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty, công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của Công ty mẹ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ/năm trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Tiền

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	321.873.045	1.055.917.811
Tiền gửi ngân hàng	6.344.557.373	23.091.864.381
	<hr/> 6.666.430.418	<hr/> 24.147.782.192 <hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	24.135.728.457	(*)	24.012.000.438	(*)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
Trái phiếu (ii)	1.500.000.000	(*)	1.500.000.000	(*)

- (i) Khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng, hưởng lãi suất dao động từ 4,6% đến 5,2%/năm (1/1/2025: từ 4,2% đến 7%/năm).
- (ii) Đây là khoản trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành bằng VND, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào năm 2029 và hưởng lãi suất 4,8%/năm (1/1/2025: 4,2%/năm).
- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

30/6/2025				1/1/2025				
	Số lượng	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty con								
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	283.620	52,52%	2.876.479.633	(*)	283.620	52,52%	2.876.479.633	(*)
• Công ty TNHH MTV Chân len Dệt May Nam Định	500.000	100,00%	5.000.000.000	(*)	500.000	100,00%	5.000.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	563.250	62,58%	5.632.500.000	(*)	563.250	62,58%	5.632.500.000	(*)
• Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định	800.000	100,00%	8.000.000.000	(*)	800.000	100,00%	8.000.000.000	(*)
			21.508.979.633					21.508.979.633
Công liên kết								
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	2.532.584	36,92%	23.000.000.000	(*)	2.532.584	36,92%	23.000.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	1.379.100	45,97%	13.791.000.000	(*)	1.379.100	45,97%	13.791.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	195.000	26,00%	1.950.000.000	(*)	195.000	26,00%	1.950.000.000	(*)
			38.741.000.000					38.741.000.000
Đơn vị khác								
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	119.651	0,002%	1.348.555.000	5.013.376.900	107.079	0,002%	1.348.555.000	4.047.586.200
• Công ty Cổ phần May 1 Dệt May Nam Định	75.000	10,00%	845.881.887	(*)	75.000	10,00%	845.881.887	(*)
• Công ty Cổ phần May 5 Dệt May Nam Định	55.000	10,00%	550.000.000	(*)	55.000	10,00%	550.000.000	(*)
			2.744.436.887					2.744.436.887

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	6.858.385.845	4.545.766.810
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	152.762.537	158.910.117
Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định	16.905.380.956	12.981.063.036
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	73.787.271.453	65.349.099.041
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	127.214.598	103.588.738
Bên khác		
Công ty TNHH Zigui Jisheng (Việt Nam) Wangsheng Textiles	9.379.488.960	-
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	8.149.512.384	14.220.742.775
Công ty TNHH Dệt may Châu Giang	8.192.212.108	4.815.546.077
Các khách hàng khác	58.985.249.491	62.985.567.602
	182.537.478.332	165.160.284.196

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và công ty liên kết không có tài sản đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm trả với lãi suất là 6,43%/năm (1/1/2025: 6,9%/năm) khi quá hạn.

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu về tiền đất cho thuê	4.138.101.267	2.062.927.258
Tạm ứng	797.169.205	-
Phải thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	412.928.602	419.271.573
Cổ tức phải thu các công ty con và công ty liên kết	350.000.000	5.415.168.000
Ký cược, ký quỹ	152.907.000	152.907.000
Phải thu công ty con về tiền trả hộ lương nhân viên	-	3.325.919.106
Phải thu khác	204.104.489	65.388.741
	6.055.210.563	11.441.581.678

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	17.600.000	-
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	725.363.096	769.046.984
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	1.636.431.258	1.422.736.511
Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định	318.889.199	3.496.772.442
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	898.145.922	-
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	292.015.031	50.290.427
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	-	5.065.168.000
	3.888.444.506	10.804.014.364

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược	3.278.379.000	3.278.379.000
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (*)	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	821.883.041	978.703.133
	7.300.262.041	7.457.082.133

(*) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích dự phòng (Thuyết minh 11).

11. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/6/2025			1/1/2025		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thành Vin	Trên 5 năm	4.924.999.999	(4.924.999.999)	-	4.924.999.999	(4.924.999.999)
Công ty Cổ phần Kinh Bắc	Trên 6 năm	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-	3.200.000.000	(3.200.000.000)
Thành Nam	Từ 2 - 3 năm	539.789.728	(377.852.810)	161.936.918	539.789.728	(377.852.810)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	1.204.204.725	(1.204.204.725)	-	1.204.204.725	(1.204.204.725)
		9.868.994.452	(9.707.057.534)	161.936.918	9.868.994.452	(9.707.057.534)
Trong đó:						
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			(6.507.057.534)		(6.507.057.534)	
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			(3.200.000.000)		(3.200.000.000)	
			(9.707.057.534)		(9.707.057.534)	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	29.146.028.200	-	25.025.160.459	(3.106.905.342)
Nguyên vật liệu	80.097.345.248	-	36.201.943.941	(4.494.517.157)
Công cụ và dụng cụ	43.272.005	-	30.671.639	-
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	6.164.435.083	-	4.926.197.225	-
Thành phẩm	40.701.382.663	-	25.821.552.656	-
Hàng hóa	18.276.431.745	-	16.898.100.247	-
Hàng gửi bán	-	-	7.295.542.143	-
	174.428.894.944	-	116.199.168.310	(7.601.422.499)

:0106
C
TRẮC
VAM

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	299.441.798.482	622.706.079.737	40.280.556.119	2.560.545.564	964.988.979.902
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	325.000.000	-	-	325.000.000
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.521.000.000)	-	-	(1.521.000.000)
Số dư cuối kỳ	299.441.798.482	621.510.079.737	40.280.556.119	2.560.545.564	963.792.979.902
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	136.797.370.413	374.060.683.826	29.247.677.472	2.136.673.692	542.242.405.403
Khấu hao trong kỳ	5.974.224.733	17.532.431.592	1.639.903.212	99.566.952	25.246.126.489
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(189.457.893)	-	-	(189.457.893)
Số dư cuối kỳ	142.771.595.146	391.403.657.525	30.887.580.684	2.236.240.644	567.299.073.999
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	162.644.428.069	248.645.395.911	11.032.878.647	423.871.872	422.746.574.499
Số dư cuối kỳ	156.670.203.336	230.106.422.212	9.392.975.435	324.304.920	396.493.905.903

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 172.788 triệu VND (1/1/2025: 167.289 triệu VND) đã khấu hao hết và đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 363.307 triệu VND (1/1/2025: 383.873 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 22).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	19.785.906.253
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	4.310.542.631
Khấu hao trong kỳ	732.128.238
Số dư cuối kỳ	5.042.670.869
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	15.475.363.622
Số dư cuối kỳ	14.743.235.384

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	12.378.939.809
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	8.324.537.399
Khấu hao trong kỳ	217.039.174
Số dư cuối kỳ	8.541.576.573
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	4.054.402.410
Số dư cuối kỳ	3.837.363.236

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam (trước đây là Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam); và
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Phố Tô Hiệu, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam (trước đây là Số 43 Phố Tô Hiệu, Phường Năng Tĩnh, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam).

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	18.166.093.664	17.853.601.700
Tăng trong kỳ	2.640.471.218	369.461.814
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	734.955.742	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(325.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	21.216.520.624	18.223.063.514

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
San nền và giải phóng mặt bằng tại		
Khu Công nghiệp Hòa Xá (*)	12.840.234.565	12.840.234.565
Dự án Nhà máy May Yên Bình (**)	5.013.367.135	5.013.367.135
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	2.602.570.288	312.491.964
Các công trình khác	760.348.636	-
	21.216.520.624	18.166.093.664

(*) Đây là chi phí thực hiện san nền và giải phóng mặt bằng lô đất số S1, S2 và một phần lô S3, S4, S5, S7 ở Khu Công nghiệp Hòa Xá, Phường Thành Nam, Tỉnh Ninh Bình (trước đây là Khu Công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định). Theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Bình (trước đây là Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định), Tổng Công ty phải thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty đang làm việc với Công ty mẹ về phương án di dời và Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Bình đã có Công văn đề nghị các bên liên quan phối hợp, tạo điều kiện cho Tổng Công ty thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá.

(**) Đây là chi phí xây dựng Nhà máy May Yên Bình tại Xã Vũ Dương, Tỉnh Ninh Bình (trước đây là Xã Yên Bình, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định). Hiện nay, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Bình (trước đây là Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định) đã ban hành quyết định thu hồi khu đất và giao cho Ủy ban Nhân dân Xã Vũ Dương (trước đây là Ủy ban Nhân dân Huyện Ý Yên) thực hiện đấu giá khu đất và tài sản gắn liền trên đất. Tổng Công ty sẽ nhận được một phần khoản tiền thu được từ việc bán đấu giá này khi việc bán đấu giá được hoàn tất. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ủy ban Nhân dân Xã Vũ Dương đang trong quá trình thực hiện việc đấu giá tài sản này theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	782.738.487	347.676.135
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.087.025.529	1.038.488.644
	<hr/>	<hr/>
	1.869.764.016	1.386.164.779
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu kỳ	8.554.217.282
Tăng trong kỳ	5.867.352.213
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.331.542.107
Phân bổ trong kỳ	(3.675.254.173)
Chuyển sang công trình dở dang	(734.955.742)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	11.342.901.687
	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty mẹ</i>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	114.603.892.520	4.763.853.764
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	2.433.313.081	3.280.351.759
Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định	-	1.930.594.360
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	1.446.442.369	-
Bên khác		
Olam Global Agri Pte Ltd	10.169.559.187	-
Công ty TNHH Hóa Phẩm Thịnh Phát	7.722.902.500	6.740.472.640
Các nhà cung cấp khác	22.869.834.676	32.751.622.385
	<hr/>	<hr/>
	159.245.944.333	49.466.894.908

Khoản phải trả thương mại đối với bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

19. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	1/1/2025		Số phát sinh trong kỳ VND		Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND		30/6/2025	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	5.949.428	13.469.560.984	(9.534.574.696)	-	3.940.935.716	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	195.071.590	(195.071.590)	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.267.280	-	-	-	62.267.280	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.000.237	-	175.399.666	(147.327.367)	1.415.764	19.487.826	-	-
Thuế tài nguyên	-	14.003.058	67.917.800	(69.134.010)	-	12.786.848	-	-
Tiền thuê đất	-	-	4.443.528.949	(2.764.726.863)	-	1.678.802.086	-	-
Các loại thuế khác	-	-	84.130.613	(14.715.146)	-	69.415.467	-	-
	72.267.517	19.952.486	18.435.609.602	(12.725.549.672)	63.683.044	5.721.427.943		

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí lãi vay	1.655.044.919	1.273.832.740
Chi phí điện, nước phải trả	-	2.193.123.908
Chi phí khác	256.268.600	-
	1.911.313.519	3.466.956.648

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.141.085.831	496.342.548
Cổ tức phải trả	1.478.255.250	1.483.905.250
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam	7.944.223.946	5.322.425.228
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	386.995.392	202.920.259
	10.950.560.419	7.505.593.285

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2025		Biến động trong kỳ		30/6/2025	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	449.100.202.783		461.807.362.097	(501.826.390.125)	3.255.496.772	412.336.671.527
Vay dài hạn đến hạn trả	38.988.677.678		19.784.325.819	(25.924.912.373)	773.235.652	33.621.326.776
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả	3.650.485.826		1.869.596.317	(1.841.319.012)	11.750.322	3.690.513.453
	491.739.366.287		483.461.284.233	(529.592.621.510)	4.040.482.746	449.648.511.756

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan				
Vay thành viên Ban Giám đốc	VND	7,2%	800.000.000	800.000.000
Vay bên liên quan khác	VND	6,0% - 7,2%	2.565.000.000	3.826.230.159
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	4,2% - 4,85%	111.535.416.745	86.135.073.705
Vay ngân hàng 2	VND	6,25%	35.873.983.937	78.599.983.791
Vay ngân hàng 3	USD	4,0% - 4,4%	8.463.934.429	24.886.674.000
Vay ngân hàng 4	VND	6,4% - 6,51%	69.970.437.724	62.739.641.316
Vay ngân hàng 5	VND	6,4% - 6,6%	65.648.732.864	51.248.321.842
Vay ngân hàng 6	USD	5,5%	-	7.939.979.127
Vay ngân hàng 7	USD	7,0%	37.303.988.812	27.145.028.519
Vay ngân hàng 8	USD	8%	1.732.874.144	-
Vay ngân hàng 9	VND	6,79% - 8,24%	47.969.927.972	78.908.498.328
Vay nhân viên	VND	6,0% - 7,2%	30.472.374.900	26.870.771.996
			412.336.671.527	449.100.202.783

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại là 77.226 triệu VND (1/1/2025: 81.311 triệu VND) (Thuyết minh 13).

Các khoản vay khác không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Vay dài hạn (i)	271.080.200.123	291.959.427.455
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	9.693.756.325	11.520.794.020
	280.773.956.448	303.480.221.475
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(37.311.840.229)	(42.639.163.504)
	243.462.116.219	260.841.057.971

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7% LIBOR +	2027	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	0,7%	2036	136.516.936.491	134.809.596.862
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định (*)	VND	8,5%	2026	9.000.000.000	9.000.000.000
Vay bên liên quan khác (*)	VND	9,6%	2027	3.000.000.000	3.000.000.000
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 10 (***)	USD	10,1%	2027	41.410.430.524	51.348.158.590
Vay từ ngân hàng 11 (***)	VND	14,3%	2027	16.003.444.500	28.652.283.395
Vay nhân viên	VND	9,6%	2027	150.000.000	150.000.000
				271.080.200.123	291.959.427.455

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Khoản vay này, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 108.504 triệu VND (1/1/2025: 115.014 triệu VND) (Thuyết minh 13).

(***) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 177.577 triệu VND (1/1/2025: 187.548 triệu VND) (Thuyết minh 13).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
		Nợ gốc VND		Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	4.330.448.768	3.690.513.453	777.198.465	3.650.485.826
Trong vòng hai đến năm năm	6.492.436.549	6.003.242.872	774.506.727	7.870.308.194
	10.822.885.317	9.693.756.325	1.551.705.192	11.520.794.020

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	156.399.760.000	92.139.112.037	(119.200.284.525)	129.338.587.512
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	(42.628.475.340)	(42.628.475.340)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	156.399.760.000	92.139.112.037	(161.828.759.865)	86.710.112.172
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	156.399.760.000	92.139.112.037	(199.171.734.559)	49.367.137.478
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	(15.564.349.771)	(15.564.349.771)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	156.399.760.000	92.139.112.037	(214.736.084.330)	33.802.787.707

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.639.976	156.399.760.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	Tỷ lệ (%)	30/6/2025 và 1/1/2025	
		Số lượng cổ phần	Vốn cổ phần VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	53,67	8.394.655	83.946.550.000
Các cổ đông khác	46,33	7.245.321	72.453.210.000
	100,00	15.639.976	156.399.760.000

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	44.225.998.667	45.201.572.167
	53.981.733.667	54.957.307.167

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	9.731	252.243.544	261.399	6.610.103.171
EUR	450	11.724.714	450	11.724.714
		263.968.258		6.621.827.885

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Kaisui – Dệt May	Dừng hoạt động	2024	-	38.141.390
Công ty TNHH Xuân Quyết	Dừng hoạt động	2024	-	39.376.277
Công ty TNHH Thương mại Đức Bồn	Dừng hoạt động	2024	-	82.768.508
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại				
Dịch vụ Bạch Việt	Dừng hoạt động	2024	-	2.883.059.365
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu				
và Thương mại Dịch vụ Xuân Hồng	Dừng hoạt động	2024	-	135.535.654
			-	3.178.881.194

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Bán hàng	466.372.264.892	565.197.109.054
Cung cấp dịch vụ	15.871.605.737	14.164.493.063
Cung cấp dịch vụ gia công	32.542.417.296	24.711.640.528
Cho thuê bất động sản đầu tư	5.737.415.985	6.085.202.764
	520.523.703.910	610.158.445.409

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	462.651.705.570	581.122.141.713
Dịch vụ đã cung ứng	9.118.140.355	10.018.798.191
Dịch vụ gia công đã cung ứng	29.115.888.921	25.363.028.317
Bất động sản đầu tư cho thuê	1.347.065.767	1.999.191.269
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.601.422.499)	(11.916.508.615)
	494.631.378.114	606.586.650.875

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	475.292.141	602.741.908
Lãi do người mua chậm trả	1.552.002.166	2.060.087.172
Cổ tức được chia	1.454.034.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.175.808.943	1.959.387.524
	9.657.137.250	4.622.216.604

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	21.944.436.753	27.664.701.202
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.521.224.168	858.380.791
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.232.225.235	10.382.277.504
	33.697.886.156	38.905.359.497

31. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	635.007.634	1.710.528.120
Chi phí vận chuyển	1.878.195.173	1.150.656.792
Chi phí đại lý bán hàng	1.432.513.764	689.506.749
Chi phí bán hàng khác	1.187.733.593	1.550.573.506
	5.133.450.164	5.101.265.167

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	3.152.252.877	3.601.788.263
Dự phòng phải thu khó đòi	-	3.042.417
Chi phí khấu hao và phân bổ	804.391.482	965.387.021
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.427.175.475	7.461.252.513
	12.383.819.834	12.031.470.214

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	220.662.157.022	198.421.470.599
Chi phí nhân công	36.718.251.277	40.994.683.001
Chi phí khấu hao và phân bổ	26.267.136.167	28.077.288.438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.634.971.690	65.942.629.420
Chi phí khác	17.143.159.515	12.722.467.125
	380.425.675.671	346.158.538.583

34. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lỗ kế toán trước thuế	(15.564.349.771)	(42.628.475.340)
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	(3.112.869.954)	(8.525.695.068)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.762.097	190.343.913
Thu nhập không bị tính thuế	(290.806.800)	-
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	2.482.462.874	5.524.728.593
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trên lỗ tính thuế	918.451.783	2.810.622.562
	-	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời	83.373.180.015	16.674.636.003	70.960.865.643	14.192.173.129
Lỗi tính thuế	101.442.170.579	20.288.434.116	96.849.911.666	19.369.982.333
	184.815.350.594	36.963.070.119	167.810.777.309	33.562.155.462

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	74.775.002.619
2029	Chưa quyết toán	22.074.909.047
2030	Chưa quyết toán	4.592.258.913
		101.442.170.579

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Số chi phí lãi vay được khấu trừ trong năm sau VND
2025	18.245.190.035
2027	4.980.427.481
2029	47.735.248.127
2030	12.412.314.372
	83.373.180.015

Ngoại trừ khoản chi phí lãi vay và lỗi tính thuế sẽ được khấu trừ trong những năm xác định nêu trên, theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.904.261.546	9.122.709.789
Mua hàng hóa và dịch vụ	114.399.817.270	9.073.526.789
Hoàn trả gốc vay và lãi vay	-	1.833.662.109
Lãi và phí khoản vay cho vay lại từ nguồn vốn vay		
Ngân hàng Phát triển Châu Á	4.188.676.220	4.844.410.160
Chi phí lãi vay	2.256.280.143	2.268.745.780
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	21.628.638	21.738.138
Mua dịch vụ	5.086.934.972	2.830.096.169
Chi phí lãi vay	429.875.000	432.250.000
Cổ tức	198.534.000	-
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.676.597.090	4.314.945.982
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	21.860.207.746	19.067.871.902
Mua hàng hóa	10.492.743.280	8.548.519.940
Lãi do người mua chậm trả	81.003.410	237.498.678
Thu nhập khác	12.950.000	3.500.000
Cổ tức	337.950.000	-
Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	504.582.600	704.582.484
Thu nhập lãi trả chậm	549.179.807	-
Thu nhập lãi vay	7.827.419	-
Góp vốn	-	8.000.000.000
Cho vay	-	200.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	416.013.980
Bán tài sản cố định	-	17.168.782.646
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	159.053.111.639	236.781.955.616
Mua hàng hóa	126.660.785.364	201.110.797.096
Lãi do người mua chậm trả	921.818.949	1.822.251.520
Thu nhập khác	19.240.000	6.650.000
Cổ tức	689.550.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	897.752.537	981.221.259
Cổ tức	175.500.000	-
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân –		
Công ty con cùng Tập đoàn		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.755.612.270	-
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
- Công ty con cùng Tập đoàn		
Mua máy móc, thiết bị	510.477.786	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	135.710.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
- Công ty con cùng Tập đoàn		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	615.158.961	-
Tổng Công ty cổ phần dệt may Hòa Thọ		
- Công ty con cùng Tập đoàn		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.081.867.118	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội		
- Công ty con cùng Tập đoàn		
Mua hàng hóa và dịch vụ	14.125.000	-
Ông Vũ Ngọc Tuấn - Tổng Giám đốc		
Hoàn trả khoản vay	-	400.000.000
Chi phí lãi vay	-	83.911.233
Bà Trần Thị Chi Mai - cá nhân là bên liên quan		
Chi phí lãi vay	144.000.000	-
Ông Vũ Ngọc Tú - cá nhân là bên liên quan		
Chi phí lãi vay	28.563.288	-
Ông Vũ Mạnh Quân - cá nhân là bên liên quan		
Nhận tiền vay	1.500.000.000	840.000.000
Hoàn trả khoản vay	2.440.000.000	-
Chi phí lãi vay	89.430.928	8.537.425
Bà Trần Thị Đào - cá nhân là bên liên quan		
Nhận tiền vay	600.000.000	360.000.000
Hoàn trả khoản vay	660.000.000	250.000.000
Chi phí lãi vay	27.103.687	15.377.315

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2025 30/6/2024
VND VND

Bà Trần Thị Gái - cá nhân là bên liên quan

Nhận tiền vay	45.000.000	10.000.000
Hoàn trả khoản vay	20.000.000	356.000.000
Chi phí lãi vay	1.820.770	82.037.260

Bà Nguyễn Hải Hà - cá nhân là bên liên quan

Nhận tiền vay	140.000.000	130.000.000
Hoàn trả khoản vay	130.000.000	12.000.000
Chi phí lãi vay	4.926.530	35.177.425

Bà Hoàng Thị Tuệ - cá nhân là bên liên quan

Nhận tiền vay	110.000.000	110.000.000
Hoàn trả khoản vay	220.000.000	110.000.000
Chi phí lãi vay	1.440.739	26.841.205

Ông Đoàn Anh Đức - cá nhân là bên liên quan

Hoàn trả khoản vay	-	40.000.000
Chi phí lãi vay	713.919	1.534.247

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của
Người quản lý chủ chốt

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Tân - Chủ tịch	42.000.000	42.000.000
Ông Phạm Xuân Trình - Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Văn Miêng - Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ - Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thành viên	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh - Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Vũ Ngọc Tuấn - Thành viên	30.000.000	30.000.000

Ban Giám đốc

Ông Vũ Ngọc Tuấn - Tổng Giám đốc	244.468.332	235.732.429
Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Phó Tổng Giám đốc	196.603.705	189.467.657
Bà Bùi Minh Hạnh - Giám đốc Điều hành	174.092.601	166.579.203
Ông Phạm Ngọc Kỳ - Giám đốc Điều hành	149.665.309	-

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng - Trưởng Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Ông Đoàn Văn Dũng - Thành viên	18.000.000	18.000.000
Bà Phạm Thị Vân Hà - Thành viên	18.000.000	18.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi vay nhập gốc vay	-	594.534.434
Lãi tiền gửi nhập gốc	123.728.019	132.500.000

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Thông tin so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:


Nguyễn Thị Kim Oanh
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:


Đinh Thị Thu Hường
Kế toán trưởng


Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

